|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN GIA LÂM**TRƯỜNG THCS TT TRÂU QUỲ** | **MA TRẬN ĐỀ THI VÀO 10****MÔN: HÓA HỌC 9 – Thời gian 60 phút****Năm học 2019-2020** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Các mức độ cần đánh giá** | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** **cơ bản** | **Vận dụng ở****cấp độ cao** | Số câu  |  Điểm | Tỉ lệ % |
| **Chất-nguyên tử- phân tử** | Số câu | **2** |  |  |  | **2** |  |  |
| Điểm | **0,5** |  |  |  |  | **0,5** | **5%** |
| **Phản ứng hóa học,mol và tính toán hóa học** | Số câu | **4** | **4** | **1** | **1** | **10** |  |  |
| Điểm | **1** | **1** | **0,25** | **0,25** |  | **2,5** | **25%** |
| **Các hợp chất vô cơ**  | Số câu | **6** | **2** | **3** | **1** | **12** |  |  |
| Điểm | **1,5** | **0,5** | **0,75** | **0,25** |  | **3** | **30%** |
| **Kim loại-phi kim,sơ lược về bảng TH cácNTHH** | Số câu | **4** | **2** | **1** | **1** | **8** |  |  |
| Điểm | **1** | **0,5** | **0,25** |  |  | **2** | **20%** |
| **Hidro cacbon- dẫn xuất hidro các bon** | Số câu | **4** | **2** | **1** | **1** | **8** |  |  |
| Điểm | **1** | **0,5** | **0,25** | **0,25** |  | **2** | **20%** |
| **Tổng** | Số câu | **20** | **10** | **6** | **4** | **40** | **10** | **100%** |
| Điểm | **5** | **2,5** | **1,5** | **1** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN GIA LÂM**TRƯỜNG THCS TT TRÂU QUỲ** | **ĐỀ THI VÀO 10****MÔN: HÓA HỌC 9 – Thời gian 60 phút****Năm học 2019-2020** |

**Mã đề thi:01**

**Câu 1:** Cho các chất sau: FeS, FeS2, FeO, Fe2O3. Chất có hàm lượng Fe lớn nhất là?

 A. FeS B. FeS2 C. FeO D. Fe2O3

**Câu 2:** Kim loại nào sau đây không phản ứng với oxi ?

 A. Al, Cu B. Au, Ag C. Zn, Fe D. Mg, Pb

**Câu 3:** Biết dung dịch CuSO4 có màu xanh, khi cho lượng Zn dư vào dung dịch trên, hiện tượng quan sát được là:

 A. Màu xanh của dd nhạt dần rồi chuyển thành không màu

 B. Màu xanh của dd đậm dần

 C. Dung dịch chuyển sang màu đen

 D. Dung dịch mất màu xanh và chuyển thành màu đỏ

**Câu 4:** Pha 10ml rượu Etylic với 40ml nước. Độ rượu thu được là ?

 A. 10o B. 20o C. 30o D. 40o

**Câu 5:** Nhỏ từ từ dung dịch HCl vào cốc đựng mẫu đá vôi, nhỏ cho đến dư. Hiện tượng nào sau đây có thể quan sát được .

 A. Sủi bọt khí, đá vôi không tan B. Đá vôi tan dần, không sủi bọt khí

 C. Sủi bọt khí, đá vôi tan dần và tan hết D. Không sủi bọt khí, đá vôi không tan

**Câu 6:** Một hidrocacbon có chứa 25% Hidro về khối lượng. Vậy hidrocacbon có CTHH nào sau :

 A. CH4 B. C2H2 C. C2H4 D. C4H10

**Câu 7:**Có 3 bình đựng 3 khí khác nhau: CO2, CH4, C2H4. Để phân biệt chúng ta dùng chất nào sau đây?

 A. DD Ca(OH) B. Nước Br2 C. DD Ca(OH)2 và dd Br2 D.Tất cả a,b,c

**Câu 8:** Cho 11,2g Fe tác dụng vừa đủ với 200g dung dịch H2SO4 loãng. Nồng độ phần trăm của dung dịch axit đã tham gia phản ứng là :

 A.32% B.54% C.9,8% D.16,5%

**Câu 9:** Một tấm kim loại bằng vàng (Au) bị bám một ít Fe trên bề mặt. Có thể dùng chất lỏng nào sau đây để hòa tan lớp bột sắt trên ?

 A.H2O B.Dd HCl C.Dd AlCl3 D.Dd FeCl2

**Câu 10:** Điểm khác biệt cơ bản trong cấu tạo phân tử của etylen và axetylen là ?

 A. Hóa trị của nguyên tố hidro B. Hóa trị của nguyên tố cacbon

 C. Liên kết giữa hai nguyên tử cacbon D. Liên kết giữa nguyên tố C và H

**Câu 11:** Đốt cháy hoàn toàn 4,592g kim loại A trong bình chứa khí clo tạo thành 13,325g một muối duy nhất. Kim loại A là:

 A. Al B. Cu C. Zn D. Fe

**Câu 12:** Để chống ăn mòn kim loại cần :

 A. Ngăn không cho kim loại tiếp xúc với môi trường B.Chế tạo hợp kim ít bị ăn mòn

 C. Ngâm kim loại vào môi trường axit D. Cả A, B đều đúng

**Câu 13:** Cho các chất sau: (1) CH3-CH3  (2) CH2=CH2, (3) CH2=CH-CH3,

 (4) CH3-CH2-CH3, (5) C6H6, (6) CH3-CH=CH-CH3 .

 Những chất có phản ứng trùng hợp là ?

 A. (1), (2), (3), (6) B.(2), (3), (5), C. (1), (2), (4), (5) D. (2), (3), (6)

**Câu 14:** Có một ống nghiệm chứa nước và dung dịch phenolphtalein, cho oxit nào sau đây vào ống nghiệm trên thì làm cho phenolphtalein chuyển sang màu hồng. ?

 A. CaO B. CO2 C. CO D. NO2

**Câu 15:** Một mẫu đá vôi có 20% tạp chất, còn lại là Ca3CO3. Nếu sử dụng 20 tấn quặng này thì lượng CaO điều chế được là bao nhiêu ?

 A. 8,95 tấn B. 8,96 tấn C. 8,97 tấn D. 8,98 tấn

**Câu 16**: Sử dụng thuốc thử nào sau đây để phân biệt 2 chất màu trắng: CaO, P2O5 .

 A. Dung dịch phenolphtalein B. Giấy quì ẩm

 C. Dung dịch HCl D. A, B, và C đều đúng

**Câu 17**: Dãy Hidroxit nào dưới đây khi đun nóng đều cho oxit tương ứng ?

 A. Mg(OH)2, Al(OH)3, NaOH B. Mg(OH)2, Al(OH)3, Ca(OH)2

 C. Mg(OH)2, Al(OH)3, Fe(OH)3 D. Ba(OH)2, Al(OH)3, Fe(OH)2

**Câu 18**: Hòa tan 6,4g kim loại A hóa trị II trong bình chứa oxi, người ta thu được 8g oxit. Kim loại A là?

 A. Cu B. Fe C. Mg D. Al

**Câu 19:** Để dập tắt xăng dầu cháy người ta cách nào sau đây ?

 A. Phun nước vào ngọn nửa B. Dùng chăn ướt trùm lên ngọn lửa

 C. Phủ cát ẩm vào ngọn lửa D. B, C đúng

**Câu 20:** Khí nào có tính tẩy màu trong không khí ẩm ?

 A. CO2 B. Cl2 C. H2 D. N2

**Câu 21:** Cho 22,4 lít khí etylen (đktc) tác dụng với nước có xúc tác H2SO4, thu được 13,8g rượu etylic. Hiệu suất của phản ứng trên là?

 A. 20% B. 25% C. 30% D. 35%

**Câu 22:** Có 4 chất rắn sau : NaOH, Ba(OH)2, Ca(OH)2, KOH, bằng cách nào để nhận biết có Ca(OH)2 trong 4 chất đó?

 A. Dùng giấy quì B. Dùng Phelnolphtalein C. Dùng H2O D.Dùng Axit

**Câu 23**: Khi đốt cháy hoàn toàn CH3COOH, sản phẩm chiếm chủ yếu là khí A. Khí A là nguyên nhân của hiện tượng hiệu ứng “nhà kính” làm cho nhiệt độ trái đất tăng lên. Khí A là:

 A. N2O B. CO C. CO2 D. H2O( hơi)

**Câu 24**: Cho sơ đồ phản ứng sau: 1. C6H6 + (A) Fe, to C6H5Cl + (B)

 2. (C) + Br2 C2H4Br2 A,B,C làn lượt là?

 A. Cl2, HCl, C2H4 B. Cl2, HCl, C2H2 C. Cl2, HCl, C2H6 D. Br2 , HCl, C2H4

**Câu 25:** Axit sunfuric có CTHH là:

 A. H2SO4 B. H2SO3 C. H3PO4 D. H2CO3

**Câu 26:** Trong một nhóm nguyên tố theo chiều tăng dần của điện tích hạt nhân nguyên tử thì:

 A. Số lớp electetron tăng dần B. Tính phi kim giảm dần

 C. Tính kim loại tăng dần D. A, B, C, đều đúng

**Câu 27:** Nhúng một thanh kim loại Fe vào dung dịch ZnSO4. Sau một thời gian lấy thanh kim loại ra cân, thấy khối lượng thanh kim loại :

 A. Tăng lên B. Giảm đi C. Không đổi D. A, B đúng

**Câu 28:** Biết 0,01mol Hidrocacbon A có thể tác dụng tối đa với 0,1 lit Brom 0,1M. Vậy A là Hidrocacbon nào sau đây ?

 A. CH4 B. C2H4 C. C2H2 D. C6H6

**Câu 29:** Thổi một luồng CO dư qua ống nghiệm đựng hỗn hợp Fe3O4 và CuO nung nóng đến phản ứng hoàn toàn, ta thu được 2,32g hỗn hợp kim loại. Khí thoát ra cho vào bình đựng Ca(OH)2­ dư thấy có 5g kết tủa trắng. Khối lượng hai oxit ban đầu là bao nhiêu ?

 A. 3,22g B. 4g C. 3,12g D. 4,2g

**Câu 30:** Giấm ăn là dung dịch axit axetic có nồng độ:

 A. Từ 2%-5% B. Từ 4%-7% C. Từ 7%-8% D Từ 12%-15%phân

**Câu 31:** Một hỗn hợp gồm khí C2H2 có lẫn hơi nước, SO2 và CO2. Để thu được khí CO2 nguyên chất có thể tiến hành các bước sau, chọn câu đúng nhất :

 A.Dẫn hỗn hợp khí lội qua dd nước Brom

 B.Dẫn hỗn hợp khí lội qua dd kiềm dư

 C. Dẫn hỗn hợp khí lội qua dd kiềm dư, và bình chứa H2SO4 đặc

 D. Dẫn hỗn hợp khí lội qua dd Brom dư, và bình chứa H2SO4 đặc

**Câu 32:** Có 3 ống nghiệm đựng các dung dịch sau: Ba(NO3)2, KOH, HCl, Dùng hóa chất nào sau đây có thể nhận biết được chúng?

 A. Quỳ tím B. Phenolphtalein C. CO­2 D. NaOH

**Câu 33:** Cặp chất nào sau đây có thể tồn tại đồng thời trong cùng một dung dịch, khi trộn lẫn chúng với nhau

 A. KOH, MgSO4 B. H2SO4, NaOH C. KOH, NaNO3 D. Na2CO3, Ca(NO3)2

**Câu34:** Chất nào sau phản ứng được với dung dịch NaOH tạo khí H2 ?

 A. Ag B. Cu C. Fe D. Al

**Câu 35:** Một Hidrocacbon A có tỉ khối hơi đối với H2­ là 21. Công thức phân tử của A là.

 A. C2H2 B. C2H4 C. C3H6 D. C4H8

**Câu 36:** Các chất:Mêtan, etylen, axetylen, benzen đều có phản ứng nào?

A. phản ứng cháy B. phản ứng thế C. phản ứng cộng D.phản ứng trùng hợp

**Câu 37:** Cho 31g Na2O tan hoàn toàn trong nước thu được 1 lit dung dịch X . Nồng độ của X là?

 A. 1M B. 0,5M C. 2M D. Kết quả khác

**Câu 38:** Cho phương trình ; A + HCl → NaCl + H2O . A là chất nào sau đây ?

 A. NaOH B. Na2O C. Na2CO3 D. Cả A, B đều đúng

**Câu 39:** Điện phân dung dịch NaCl bão hòa có màng ngăn xốp là phương pháp dùng để điều chế :

 A. Nước Giaven B. Khí O2 C. Khí Cl2 D. Nước Cl2

**Câu 40:** Đốt cháy hoàn toàn 6g chất hữu cơ A thu được 8,8g CO2 và 3,6g H2O . A chứa các nguyên tố

 A. C, H B. C, H, O C. C, H, N D. C, H, O, N

(Zn = 65, Fe = 56, Cu = 64, S = 32, O=16, C=12, Cl=35,5, Ag=108, N=14, Na=23, Ba=137, Ca=40, Mg=24 )

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN GIA LÂM**TRƯỜNG THCS TT TRÂU QUỲ** | **ĐỀ THI VÀO 10****MÔN: HÓA HỌC 9 – Thời gian 60 phút****Năm học 2019-2020** |

**Mã đề thi:02**

**Câu 1:** Trong tự nhiên muối natri clorua có nhiều trong:

A. Nước biển. B. Nước mưa C. Nước sông. D. Nước giếng.

**Câu 2:** Cho 1,35 gam một kim loại M (hóa trị III) tác dụng với khí clo dư thu được 6,675 gam muối. Xác định kim loại M đem phản ứng

**A.** Cr **B.** Fe **C.** Al **D.** Zn

**Câu 3:** Trung hòa 200 ml dung dịch NaOH 1M bằng dung dịch H2SO4 10%. Khối lượng dung dịch H2SO4 cần dùng là:

 **A** . 98 g  **B**. 89 g **C**. 9,8 g  **D**.8,9 g

**Câu 4:** Phản ứng hoá học xảy ra trong trường hợp nào dưới đây **không** thuộc loại phản ứng hóa hợp ?

**A.** CO tác dụng với Fe2O3 nung nóng. **B.** CO tác dụng với khí oxi

**C.** H2O tác dụng với CaO . **D.** SO2 tác dụng với Na2O

**Câu 5:** Cho một lít hỗn hợp C2H4 và N2 (ở đktc) tác dụng với dung dịch brom dư, có 2,4 gam brom tham gia phản ứng. Thành phần phần trăm theo thể tích các khí trong hỗn hợp lần lượt là

**A.** 16,8 %; 83,2 %.                                               **B**. 83,2% ; 16,8 %.

**C**. 33,6% ; 66,4 %.                                               **D**. 66,4%; 33,6 %.

**Câu 6:** Trong các chất: glucozơ, saccarozơ, tinh bột, protein, polietilen. Các chất thuộc loại polime là

**A.** saccarozơ, protein, polietilen **B.** glucozơ, tinh bột, protein

**C.** tinh bột, protein, polietilen **D.** saccarozơ, tinh bột, protein

**Câu 7:** Các khí có thể cùng tồn tại trong một hỗn hợp là

**A.** Cl2 và O2. **B.** NH3 và HCl. **C.** H2 và O2. **D.** CH4 và Cl2.

**Câu 8** Dẫn 33,6 lít khí CO2 (đktc) vào **x**g dung dịch KOH 5,6%. Để thu được muối KHCO3 duy nhất thì **x** có giá trị là:

A. 75g                            B. 150 g                         C. 225 g                 D. 300 g

**Câu 9:** Phương pháp có thể làm sạch vết dầu ăn dính vào quần áo là

**A.** Giặt bằng nước **B.** Tẩy bằng xăng **C.** Tẩy bằng axit **D.** Tất cả đều được

**Câu 10:** Chất nào sau đây không phản ứng với clo?

**A.** NaCl **B.** Al **C.** H2 **D.** NaOH

**Câu 11:** Cho kim loại M tác dụng với Cl2 được muối X; cho kim loại M tác dụng với dung dịch HCl cũng được muối X. . Kim loại M có thể là

**A.** Zn. **B.** Ag. **C.** Fe. **D.** Cu.

**Câu 12:** Cho 100 ml rượu 960 tác dụng với Na dư. Thể tích khí H2 thu được là bao nhiêu (đktc). Biết khối lượng riêng của rượu là 0,8g/ml, của nước là 1g/ml

**A.** 22 lít **B.** 22,7 lít **C.** 21,17 lít **D.** 23,5 lít

**Câu 13:** Cho 1,6 gam CuO tác dụng với 100 gam dung dịch H2SO4 29,4%. Nồng độ % của các chất trong dung dịch sau phản ứng là:

**A.** 3,15% và 9,65% **B.** 3,0% và 19% **C.** 5% và 15% **D.** kết quả khác

**Câu 14:** Dãy các chất tác dụng được với dung dịch H2SO4 là:

**A.** CuO, CaCO3, Ba(OH)2 **B.** NaOH, MgCl2, Fe **C.** Fe, Cu, Al **D.** CaO, NaNO3, Zn(OH)2

**Câu 15:** Dãy chất nào có phản ứng thủy phân trong dung dịch axit?

**A.** tinh bột, saccarozơ, xenlulozơ **B.** tinh bột, glucozơ, protein

**C.** xenlulozơ, saccarozơ, glucozơ **D.** tinh bột, saccarozơ, glucozơ

**Câu 16:** Dẫn 6,72 lít hỗn hợp khí gồm etilen và axetilen vào bình đựng dung dịch brom dư, sau phản ứng lượng brom đã phản ứng là 64 gam. Thành phần % của hỗn hợp khí etilen và axetilen lần lượt là:

**A.** 66,67% và 33,33% **B.** kết quả khác **C.** 67% và 33% **D.** 66% và 34%

**Câu 17:** Có thể dùng NaOH (ở thể rắn) để làm khô chất khí nào ?

**A.** CO2, H2. **B.**  CO, Cl2. **C.** SO2, H2. **D.** CH4, H2.

**Câu 18:** Có thể pha được bao nhiêu ml rượu 250 từ 400 ml rượu 450

**A.** 620 **B.** 720 **C.** 820 **D.** kết quả khác

**Câu 19:** Đốt cháy hoàn toàn một chất hữu cơ A chỉ chứa 2 nguyên tố, người ta thu được 22g CO2 và 18g H2O. Biết phân tử khối của A là 16 đvC. Công thức hóa học của A là:

 **A.** CH4. **B.** C6H6 **C.** C2H2 **D.** C2H4

**Câu 20:** Trong số các dung dịch: Na2SO4, KCl, HCl, KOH, CH3COOH những dung dịch có pH < 7 là:

**A.** HCl, CH3COOH **B.** KCl, CH3COOH. **C.** Na2SO4, HCl **D.** KOH, HCl .

**Câu 21:** Biết 0,02 mol hiđrocacbon X làm mất màu vừa đủ 200 ml dung dịch brom 0,1M. Vậy X là hiđrocacbon nào sau đây?

**A.** C3H8 **B.** C2H2 **C.** C6H6 **D.** C2H4

**Câu 22:** Cho khí CO (dư) đi vào ống sứ nung nóng đựng hỗn hợp X gồm MgO, Fe3O4, CuO thu được chất rắn Y. Giả sử các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Chất rắn Y gồm

**A.** Mg, Fe, Cu. **B.** Mg, Fe, Cu. **C.** MgO, Fe3O4, Cu. **D.** MgO, Fe, Cu.

**Câu 23:** Khi cho 100ml dung dịch KOH 1M vào 100ml dung dịch HCl thu được dung dịch có chứa 3.725 gam muối. Nồng độ mol của HCl trong dung dịch đã dùng là

**A.** 0,5M. **B.** 0,75M. **C.** 1M. **D.** 0,25M.

**Câu 24:** Nhận biết các chất bột màu trắng: Na2O, MgO, P2O5 ta dùng cách nào sau đây?

**A.** Hòa tan vào nước và dùng phenolphtalein **B.** Hòa tan vào nước và dùng quỳ tím

**C.** Dùng dung dịch HCl **D.** A,B đúng

**Câu 25:** Hòa tan hoàn toàn 3,22 gam hỗn hợp X gồm Fe, Mg và Zn bằng một lượng vừa đủ dung dịch H2SO4 loãng, thu được 1,344 lít hiđro (ở đktc) và dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là

**A.** 8,98. **B.** 10,27. **C.** 7,25. **D.** 9,52.

**Câu 26:** Cho các cặp chất sau đây:

1/ H2SO4 và K2CO3 2/ K2CO3 và NaCl 3/ MgCO3 và K2CO3 4/ NaOH và HCl

Cặp chất nào tác dụng được với nhau

**A.** 2,3 **B.** 1,4 **C.** 2,4 **D.** 1,2,4

**Câu 27:** Khi hòa tan hiđroxit kim loại M(OH)2 bằng một lượng vừa đủ dung dịch H2SO4 20% thu được dung dịch muối trung hoà có nồng độ 27,21%. Kim loại M là

**A.** Mg. **B.** Cu. **C.** Fe. **D.** Zn.

**Câu 28:** Cho sơ đồ chuyển hoá: Saccarozơ → X → Y → CH3COOH. Hai chất X, Y lần lượt là

**A.** CH3CH2OH và CH2=CH2. **B.** CH3COOC2H5 và CH3CH2OH.

**C.** CH3CH2OH và glucozơ. **D.** glucozơ và CH3CH2OH.

**Câu 29:** Cho 3 kim loại Al, Fe, Cu và 3 dung dịch ZnSO4, AgNO3, CuCl2, Kim loại nào tác dụng được với cả 4 dung dịch muối.

**A.** Cu **B.**Fe **C.** Al . **D.** tất cả đều sai

**Câu 30:** Cho một lá sắt có khối lượng 50 gam vào dung dịch CuSO4, sau một thời gian lấy thanh kim loại ra làm khô thấy khối lượng của nó là 51 gam. Số mol muối sắt tạo thành là:

**A.** 0,250 mol **B.** 0,1875 mol **C.** kết quả khác **D.** 0,125 mol

**Câu 31:** Cho 10,5 gam hỗn hợp 2 kim loại Cu và Zn vào dung dịch axit axetic dư người ta thu được 2,24 lít khí (đktc). Thành phần phần trăm của hỗn hợp là:

**A.** 35% và 65% **B.** 38,1% và 61,9% **C.** 39% và 61% **D.** 40% và 60%

**Câu 32:** Phát biểu nào sau đây sai:

**A.** Trong cùng một chu kì, khi điện tích hạt nhân tăng dần, tính kim loại giảm dần

**B.** Trong cùng một nhóm, khi điện tích hạt nhân tăng dần, tính kim loại giảm dần

**C.** Trong cùng một chu kì, khi điện tích hạt nhân tăng dần, tính phi kim tăng dần

**D.** Trong cùng một nhóm, khi điện tích hạt nhân tăng dần, tính phi kim giảm dần

**Câu 33:** Hãy cho biết cách sắp xếp nào sau đây đúng theo chiều kim loại giảm dần:

**A.** Al, K, Na, Mg **B.** K, Mg, Al, Na **C.** K, Na, Mg, Al **D.** Na, Mg, Al, K

**Câu 34:** Đốt cháy 3 gam hợp chất hữu cơ X có phân tử khối nhỏ hơn 40 thu được 8,8 gam CO2 và 5,4 gam H2O. X là chất nào sau đây

**A.** CH4O **B.** C2H6 **C.** C2H6O **D.** C2H4

**Câu 35:** Dãy chất làm mất màu dung dịch brom là:

**A.** C6H12, C2H4 **B.** C2H6, C2H4 **C.** C2H4, C2H2 **D.** CH4,C2H2

**Câu 36:** Trong công nghiệp, natri hiđroxit được sản xuất bằng phương pháp

**A.** điện phân dung dịch NaCl, có màng ngăn điện cực.

**B.** điện phân dung dịch NaNO3, không có màng ngăn điện cực.

**C.** điện phân dung dịch NaCl, không có màng ngăn điện cực.

**D.** điện phân NaCl nóng chảy.

**Câu 37:** Dung dịch nước gia ven là sản phẩm của phản ứng nào sau đây

A. Khí Clo và Fe B. Khí clo và dung dịch Na0H

 C. Khí clo và dung dịch H2. D.Tất cả sai

**Câu 38:** Bazơ tan và không tan có tính chất hoá học chung là:

A. Làm quỳ tím hoá xanh

B. Tác dụng với oxit axit tạo thành muối và nước

C. Tác dụng với axit tạo thành muối và nước

D. Bị nhiệt phân huỷ tạo ra oxit bazơ và nước

**Câu 39:** Dẫn khí clo vào nước xảy ra hiện tượng nào?

**A.** hiện tượng vật lí **B.** hiện tượng hóa học

**C.** không có hiện tượng gì **D.** cả hiện tượng vật lí và hóa học

**Câu 40:** Cặp chất **không** phản ứng với nhau là:

**A.** Fe và dung dịch CuSO4. **B.** Dung dịch Ca(OH)2 và dung dịch Na2CO3

**C.** dung dịch FeCl2 và dung dịch H2SO4. **D.** dung dịch NaOH và khí Cl2.

(Cho H = 1; O = 16; Mg = 24; S = 32; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65 Cl = 35,5; K = 39)

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN GIA LÂM**TRƯỜNG THCS TT TRÂU QUỲ** | **ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM ĐỀ THI VÀO 10****MÔN: HÓA HỌC 9 – Thời gian 60 phút****Năm học 2019-2020** |

**Mỗi câu tả lời đúng 0,25 điểm**

**Mã đề thi:01**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| C | B | A | B | C | A | C | C | B | C | D | D | D | A | B | D | C | A | D | B |
| 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| C | C | C | A | A | D | A | B | C | A | C | A | C | D | C | A | A | A | C | B |

**Mã đề thi:02**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| A | C | A | A | C | C | A | B | B | A | A | A | A | A | A | A | D | B | A | A |
| 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| D | D | A | D | A | B | B | D | C | D | B | B | C | B | C | C | B | C | D | C |